

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 153/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 15-7-2020.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.
Bà Huỳnh Thị Kim Kiên.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 543/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2020 giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:*** Anh La Ngọc R, sinh năm 1991;
Nơi cư trú: A2/247 khu phố 2, phường V, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- 2. Bị đơn:*** Chị Võ Xuân T, sinh năm 1991;
Nơi cư trú: 21/1A khu phố Đồng Nai, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Anh R có mặt, chị T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh La Ngọc R trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Võ Xuân T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2014, quyển số 01/2014 ngày 19 tháng 4 năm 2014.

Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng mấy năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm sống của hai vợ chồng không thống nhất dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Vì không muốn đổ vỡ nên anh và chị T đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng mỗi lần nói chuyện đều xảy ra cãi vã, mâu thuẫn càng trầm trọng, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Võ Xuân T.

- Về con chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Võ Xuân T đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để chị T tham gia các buổi làm việc, phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử nhưng chị Võ Xuân T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc vắng mặt của chị T để có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Xác định đúng tư cách đương sự.
- Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.
- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự:

Anh La Ngọc R thực hiện đúng các quy định về quyền của người khởi kiện, đã cung cấp những tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, tham gia các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa theo đúng giấy triệu tập của Tòa án.

Chị Võ Xuân T trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành, vắng mặt không có lý do.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Về yêu cầu ly hôn của anh La Ngọc R thì căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Võ Xuân T không còn quan tâm đến anh R, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh La Ngọc R.

- Về nuôi con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh La Ngọc R khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Võ Xuân T, đồng thời qua xác minh tại Công an phường H thì chị Võ Xuân T có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại 21/1A tổ 4, khu phố Đồng Nai, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Chị Võ Xuân T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt giấy triệu tập, văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị Võ Xuân T vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải các bên đương sự được. Đồng thời, chị T cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Anh La Ngọc R và chị Võ Xuân T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2014, quyển số 01/2014 ngày 19 tháng 4 năm 2014 nên công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của anh La Ngọc R thì quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng mấy năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm sống của hai vợ chồng không thống nhất dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Vì không muốn đổ vỡ nên anh và chị T đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng mỗi lần nói chuyện đều xảy ra cãi vã, mâu thuẫn càng trầm trọng, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau. Do đó, anh La Ngọc R làm đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với chị Võ Xuân T vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được

Về phần chị Võ Xuân T thì Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập cho chị T để làm việc, hòa giải đoàn tụ, cũng như để chị T có ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh R nhưng chị T không lên Tòa để làm việc, cũng như không có văn bản trình bày ý kiến chứng tỏ chị T không còn quan tâm đến anh R, cũng như không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại Biên bản xác minh ngày 18/5/2020, thì bà Nguyễn Thị Liên là tổ trưởng tổ 4, phường L xác định vợ chồng anh R, chị T trong quá trình chung sống

không báo chính quyền địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nên địa phương không nắm được.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng anh R, chị T đã có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân, không còn sự tin tưởng, tôn trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh R, giải quyết cho anh La Ngọc R được ly hôn với chị Võ Xuân T là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh La Ngọc R phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Biên Hòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và Điều 147, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 10, 11, 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 5, 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh La Ngọc R được ly hôn với chị Võ Xuân T.
2. Về nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.
3. Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.
4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh La Ngọc R phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008017 ngày 10/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Anh La Ngọc R đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh La Ngọc R được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Riêng chị Võ Xuân T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sự (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (01);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (01);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa (01);
- Ủy ban nhân dân phường V, thành phố B (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Anh Đức

